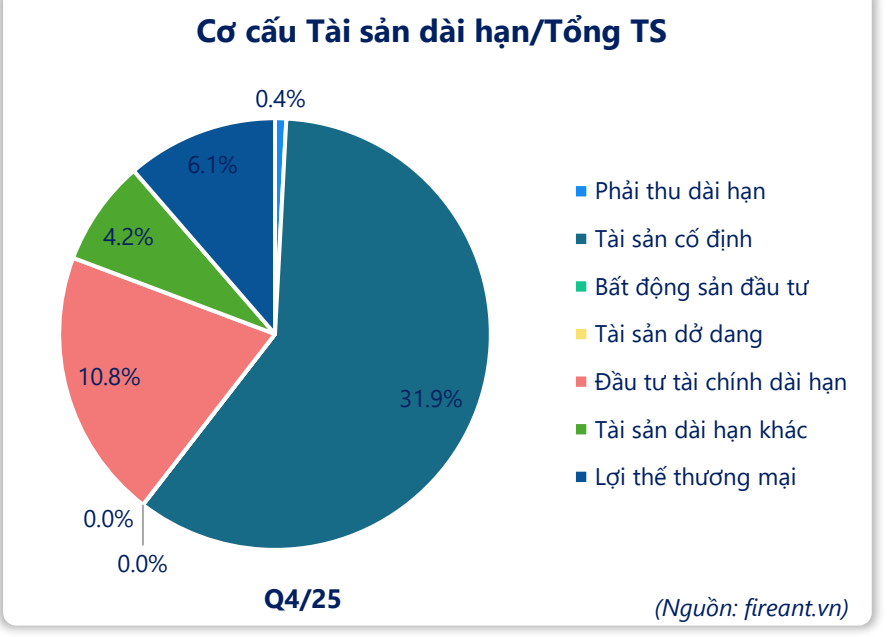
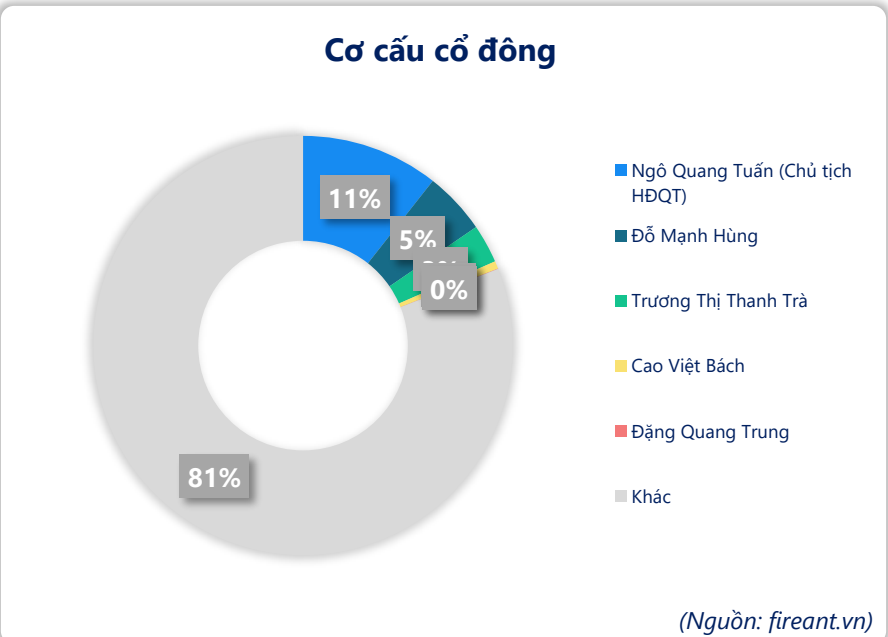
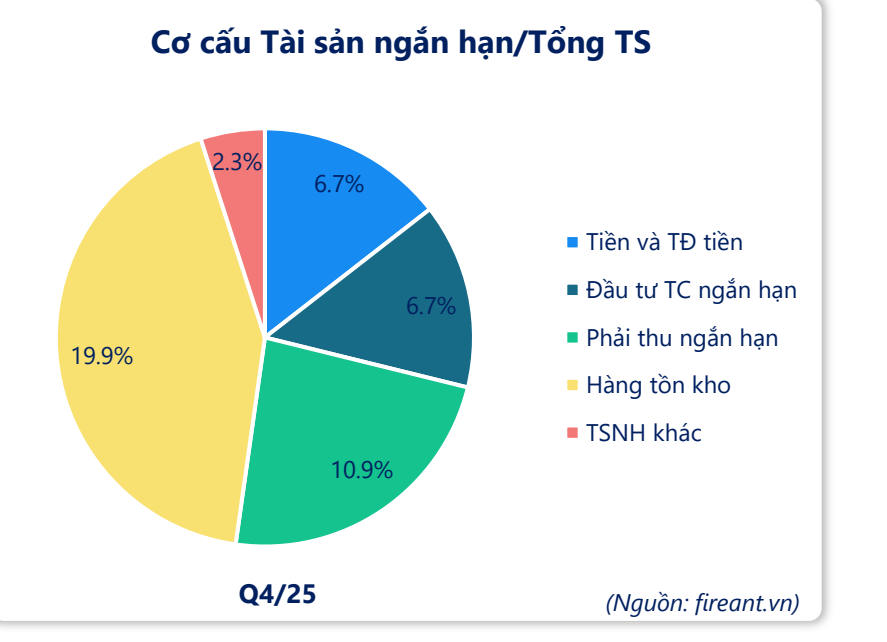
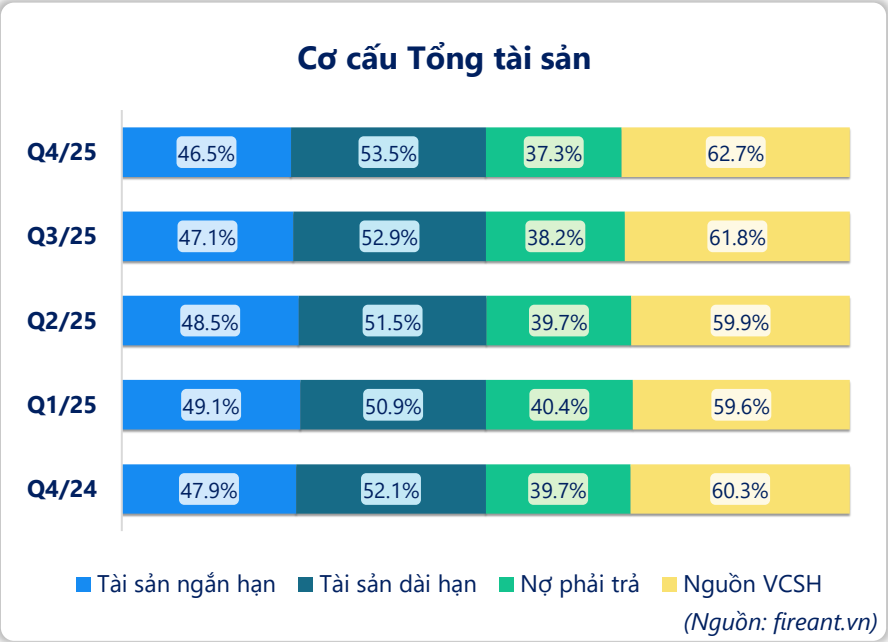
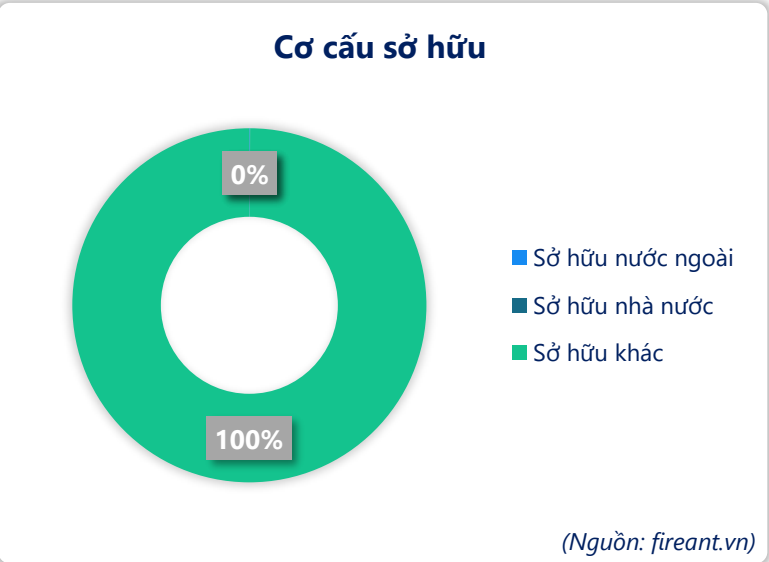
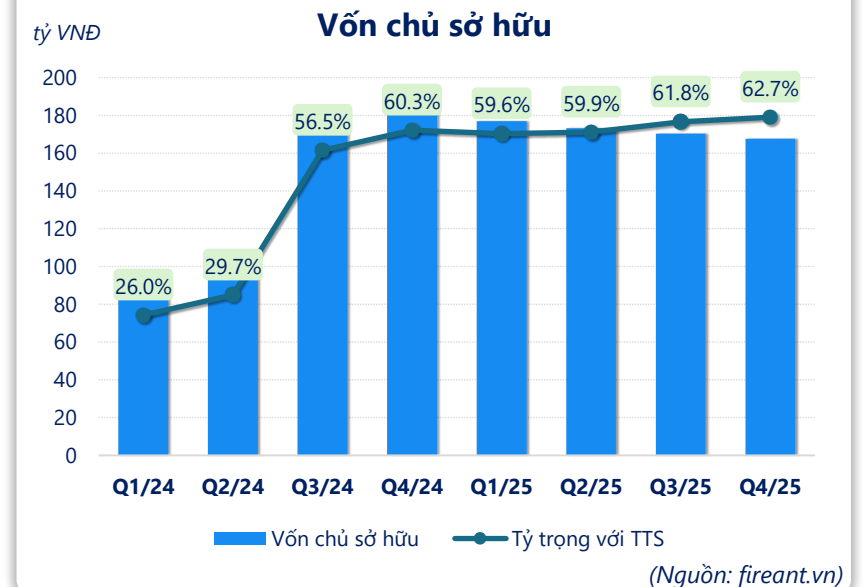
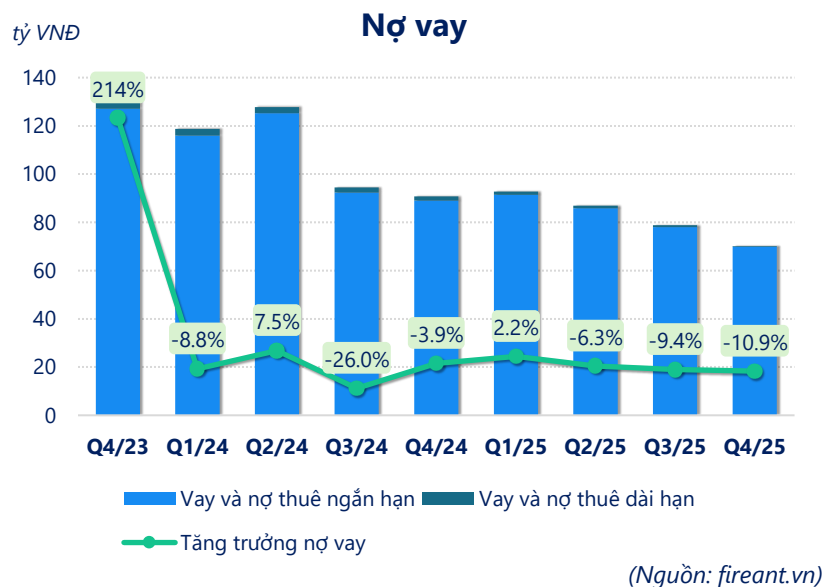
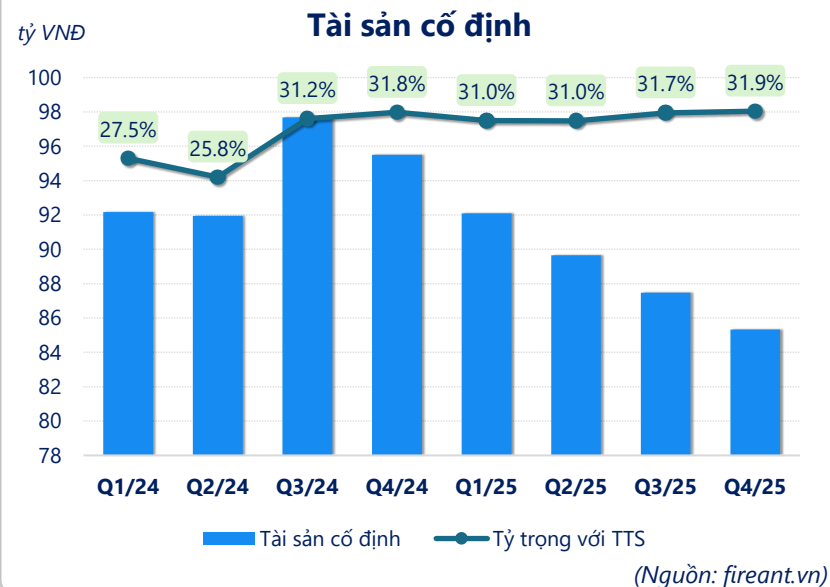
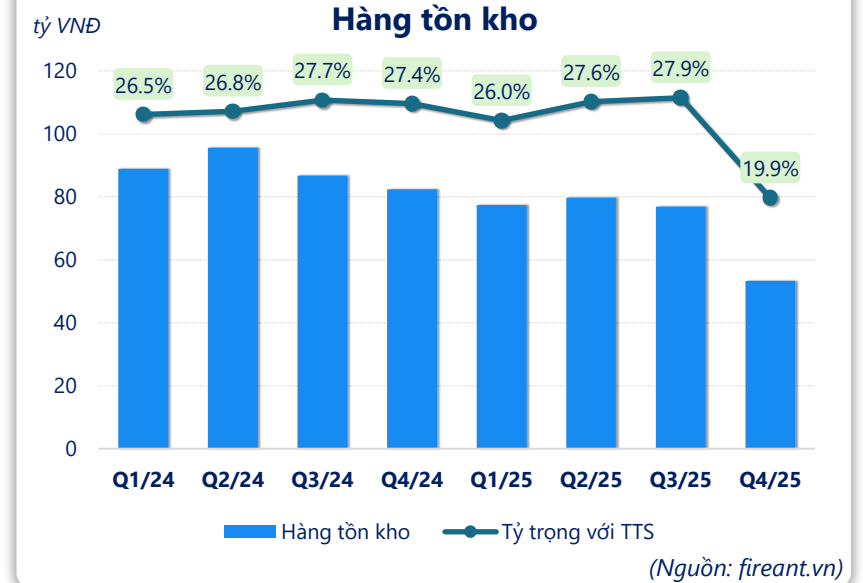
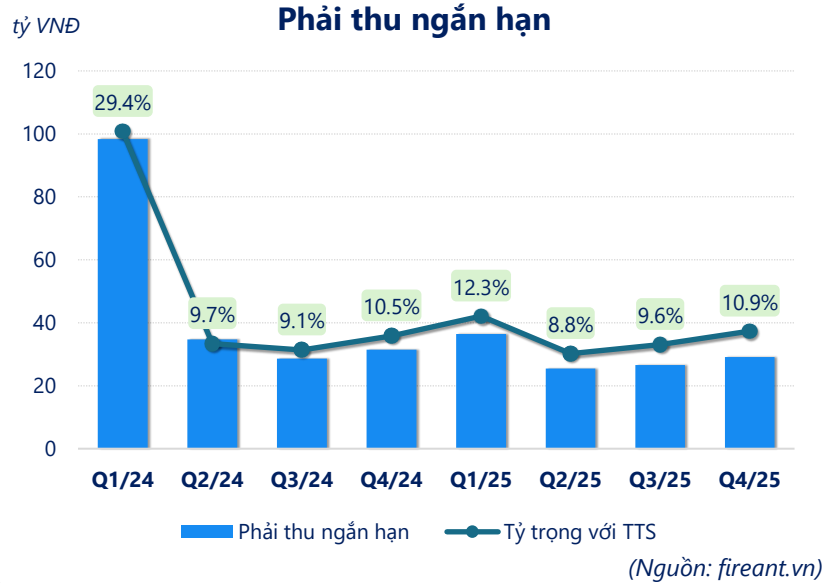
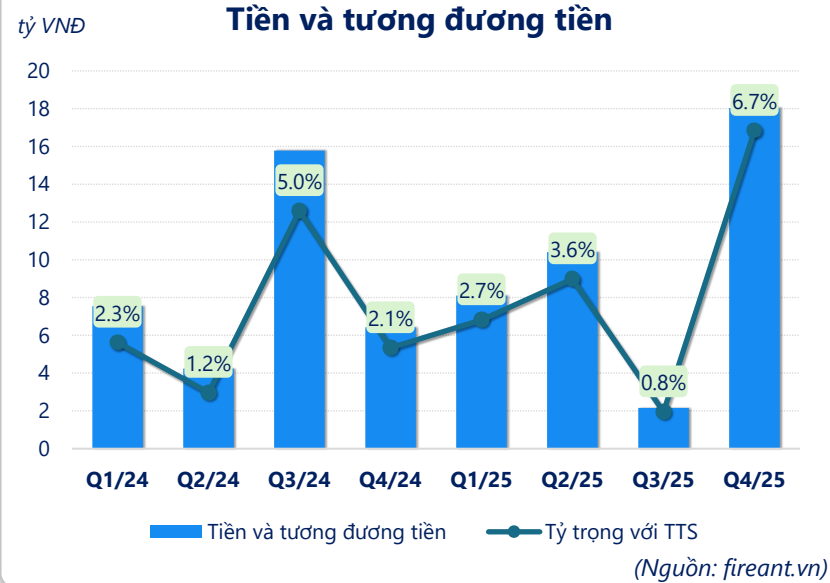
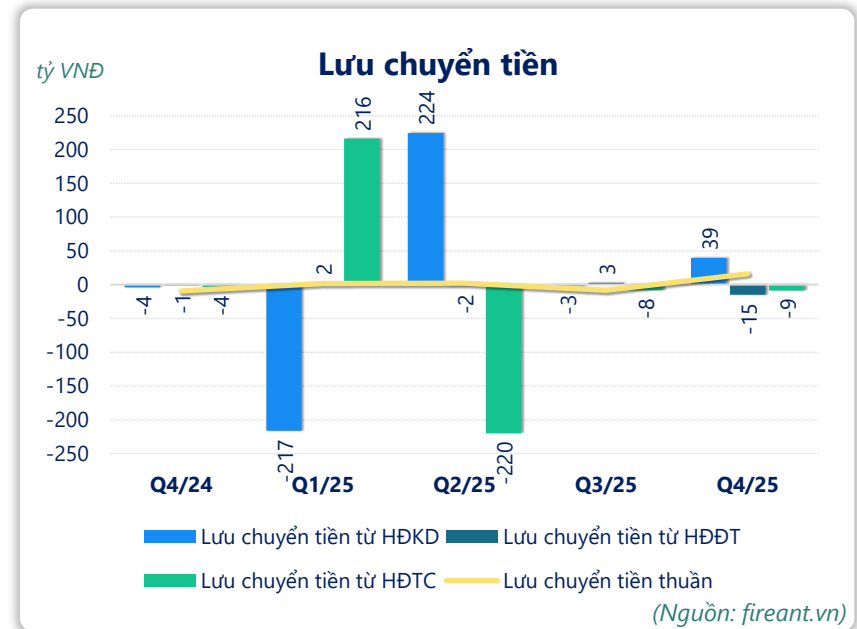
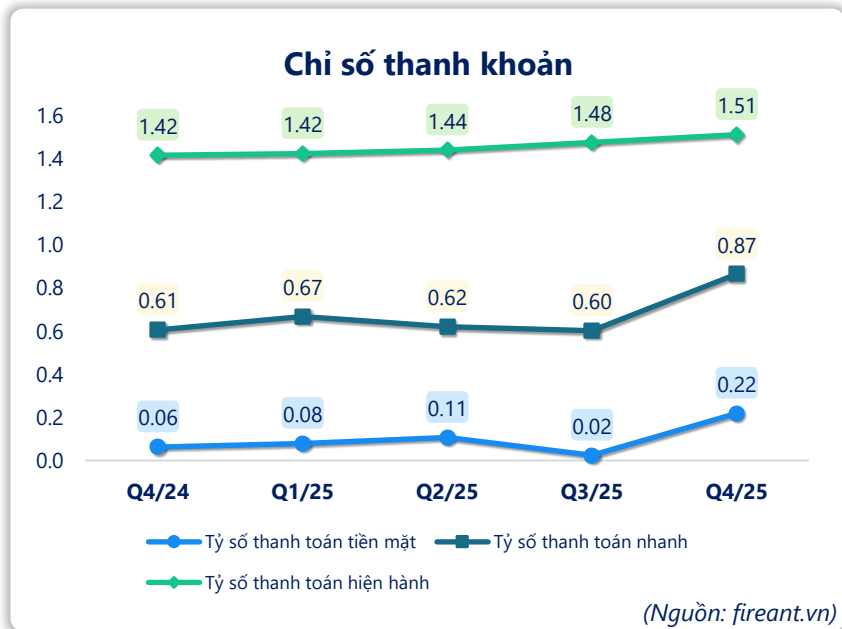
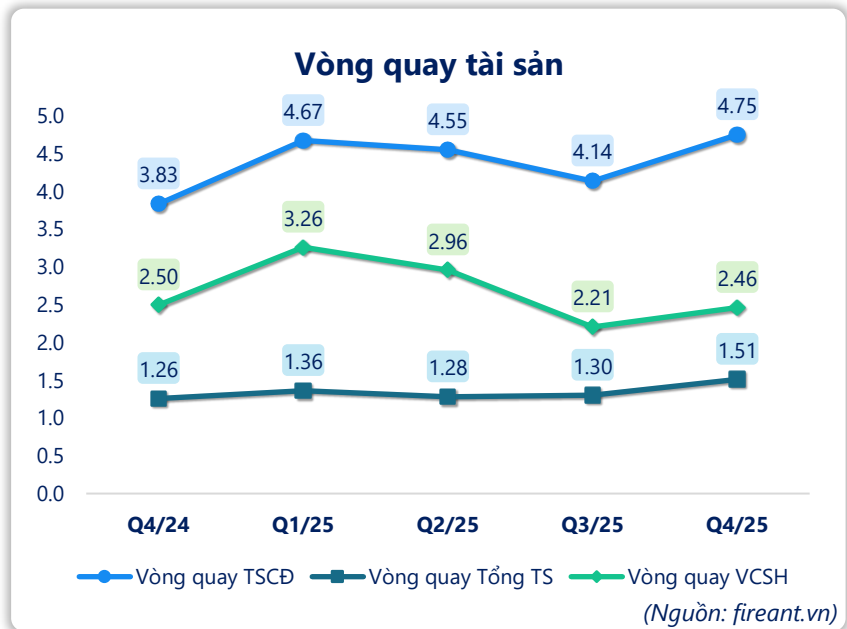
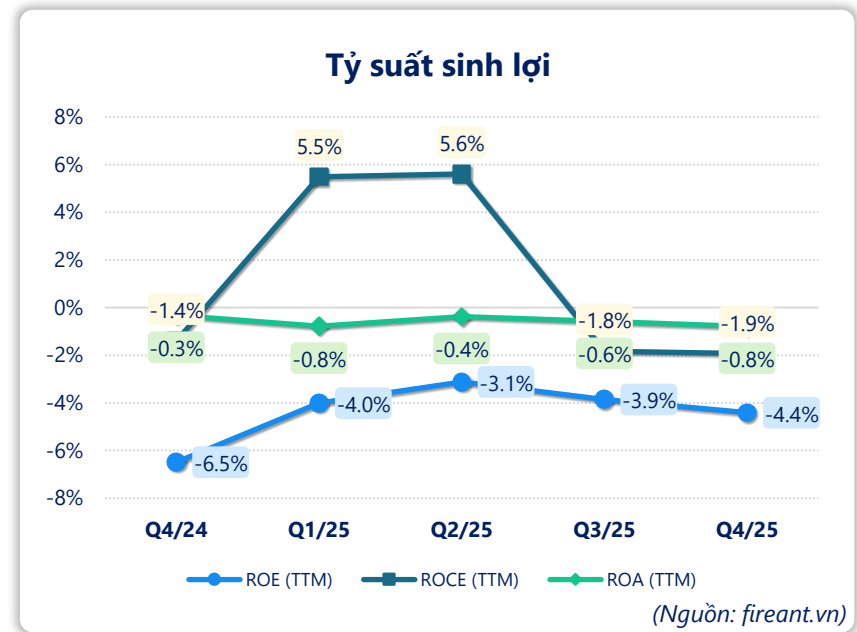
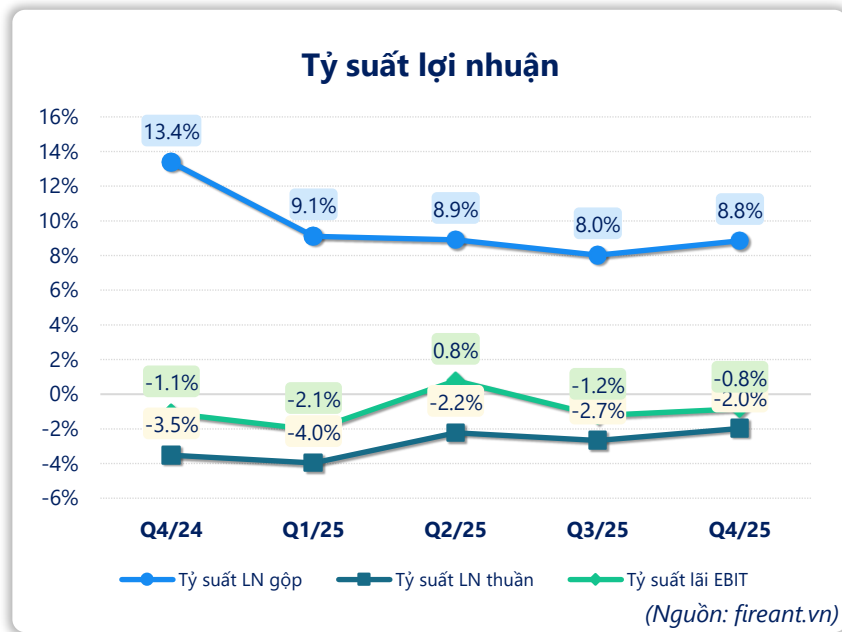
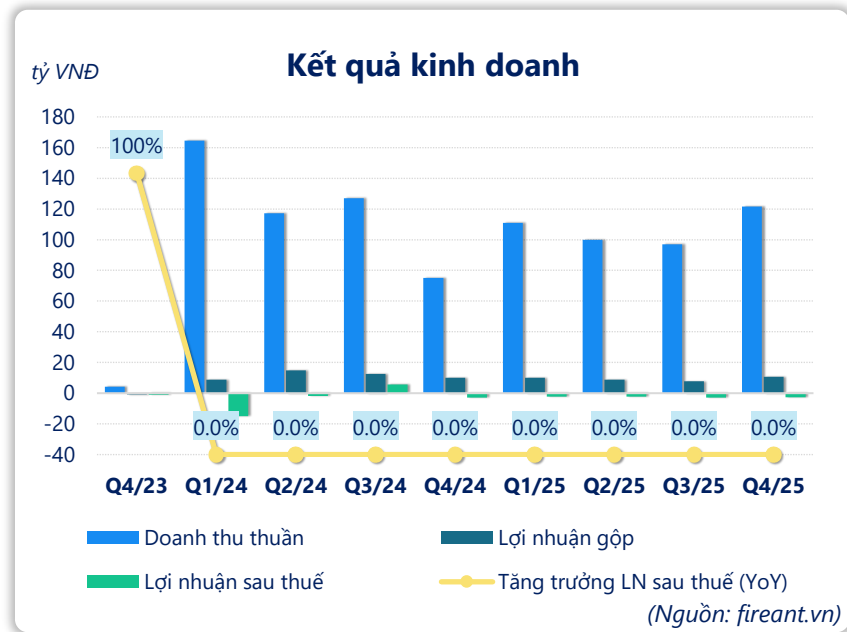


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		2,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		2,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		2,300
SL cổ phiếu LH		27,299,990
KLGD BQ 20 phiên (CP)		
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		63
P/E		-8.2
EPS		-282

	YTD	1T	3T	6T
TGG	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	268	301	-11.0%
Tài sản ngắn hạn	124	144	-13.5%
Tiền và tương đương tiền	18.0	6.42	181%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	17.9	17.2	3.7%
Phải thu ngắn hạn	29.1	31.4	-7.3%
Hàng tồn kho	53.3	82.4	-35.3%
Tài sản ngắn hạn khác	6.20	6.54	-5.2%
Tài sản dài hạn	143	157	-8.6%
Phải thu dài hạn	1.20	1.26	-4.8%
Tài sản cố định	85.3	95.5	-10.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	29.0	28.6	1.2%
Tài sản dài hạn khác	11.3	11.7	-2.9%
Lợi thế thương mại	16.2	19.5	-16.7%
Nợ phải trả	99.9	119	-16.4%
Nợ ngắn hạn	82.3	102	-19.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	69.9	89.0	-21.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	6.13	5.26	16.5%
Nợ dài hạn	17.6	17.8	-1.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.35	1.75	-80.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	168	181	-7.4%
Vốn chủ sở hữu	168	181	-7.4%
Vốn điều lệ	273	273	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	75.2	111	99.9	96.9	122
Giá vốn hàng bán	65.1	101	91.0	89.2	111
Lợi nhuận gộp	10.1	10.1	8.90	7.78	10.8
Doanh thu HĐTC	0.79	0.02	0.70	0.46	0.89
Chi phí TC	-0.99	1.10	1.67	1.41	1.22
Chi phí lãi vay	1.50	0	2.77	1.41	1.22
LN trong công ty LKLD	0.04	0.10	0.04	0.03	0.00
Chi phí bán hàng	8.80	7.11	7.18	6.38	8.63
Chi phí QLDN	5.72	6.44	3.01	3.07	4.18
LN thuần từ HĐKD	-2.65	-4.40	-2.22	-2.59	-2.40
Lợi nhuận khác	0.32	2.12	0.23	-0.02	0.17
LN trước thuế	-2.33	-2.28	-1.99	-2.61	-2.23
Lợi nhuận sau thuế	-2.81	-2.34	-2.18	-2.88	-2.67
LNST của CĐ cty mẹ	-1.27	-2.48	-1.23	-1.72	-2.26

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-4.21	-217	224	-2.77	39.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.42	2.02	-1.94	2.67	-15.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.73	216	-220	-8.16	-8.56
Tiền đầu kỳ	15.8	6.42	8.10	10.4	2.15
Lưu chuyển tiền thuần	-9.36	1.68	2.30	-8.25	15.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	6.42	8.10	10.4	2.15	18.0

(Nguồn: fireant.vn)